TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/KDTM-PT
Ngày: 26 - 12 - 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Cảnh

Ông Bùi Văn Biền

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Mai Thị Bích Huyên - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2024/TLPT-KDTM ngày 04/10/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán"

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2024/KDTM – ST ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố N bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 383/2024/QĐXX-PT ngày 14 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty C - Ngân hàng N; địa chỉ trụ sở: Số 4 đường Phạm Ngọc Th, phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Thanh S - Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Dương Thanh S: Ông Trần Đại L, sinh năn 1994; địa chỉ: Tổ 7, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Trương Thanh Đ và ông Phạm Văn H là Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH A - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần C; địa chỉ trụ sở: Số 02 đường đê S, phường Tr (nay là phường N), thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thế H, chức vụ: Giám đốc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải và Thương mại H; địa chỉ trụ sở: Số 102, khu 5, thị trấn D, huyện Th, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quang H - Chức vụ: Giám đốc.

- Ngân hàng thương mại cổ phần B; địa chỉ trụ sở: Số 210 đường Tr, phường Tr1, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Nam T – Chức vụ: Tổng giám đốc. Vắng mặt tại phiên toà.

4. Người kháng cáo: Công ty cổ phần C là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa có mặt ông Sơn, ông L, ông Hưng, ông H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

I. Tại đơn khởi kiện nộp ngày 31-5-2023, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn (Công ty C – Ngân hàng N, viết tắt là ALCI) là ông Trần Đại L trình bày:

* Quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng mua bán tàu giữa ALCI với Công ty Cổ phần C:

Ngày 25-02-2008, Công ty TNHH Vận tải và Thương mại H (gọi tắt là Công ty H) và Công ty Cổ phần C (gọi tắt là Công ty N) ký Biên bản thỏa thuận số 01/2008-BBTT về việc Công ty H mua một (01) tàu biển hạn chế III, trọng tải 3.242 tấn của Công ty N thông qua hình thức cho thuê tài chính tại ALCI.

Ngày 21-3-2008, ALCI và Công ty H đã ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số 24/2008/ALCI ngày 21-3-2008 với nội dung ALCI sẽ cho Công ty H thuê tài chính là (01) tàu biển vỏ thép - vận chuyển hàng khô, cấp III hạn chế, trọng tải 3.242 tấn, kèm theo Hợp đồng cho thuê tài chính có các phụ lục: 04A/ALCI, 4D/ALCI.

Căn cứ theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 24/2008/ALCI ngày 21-3-2008, giữa ALCI (Bên A) và Nhà máy đóng tàu N(Bên B) nay là Công ty Cổ phần C ký kết Hợp đồng mua bán số 24A/2008/HĐMB ngày 21-3-2008 (viết tắt là Hợp đồng 24A) và phụ lục hợp đồng mua bán số 01-24A/PL-HĐMB ngày 15-12-2008 với các nội dung:

Điều 1: ALCI mua của Công ty N một (01) tàu biển vỏ thép chở hàng khô, trọng tải 3.242 tấn, cấp III hạn chế; số lượng: 01; đơn giá chưa thuế GTGT: 23.690.010.378 đồng; thuế GTGT: 1.184.500.519 đồng; thành tiền: 24.874.510.897 đồng.

Điều 2: Chất lượng – Kỹ thuật: ...

Điều 3: Bảo hành: ...

Điều 4: Thời gian và địa điểm bàn giao tàu: Địa điểm bàn giao tàu: Tại cầu tàu của bên Công ty N; thời gian bàn giao tàu: Dự kiến trong tháng 4 năm 2010; nếu trong trường hợp thời gian thực hiện kéo dài mà không có lý do chính đáng (thời tiết, mất diện, thiên tai, hoả hoạn ...) không được ALCI chấp thuận bằng văn bản thì Công ty N phải chịu phạt chậm bàn giao tàu là 5.000.000 đồng/ngày. Số tiền này sẽ khấu trừ trong hợp đồng mua bán. Việc xử lý số tiền phạt nói trên theo thoả thuận giữa ALCI và Công ty H (tuỳ theo mức độ thiệt hại của mỗi bên).

Điều 5: Tiêu chuẩn, quy phạm: ...

Điều 6: Nghiệm thu và bàn giao: ...

Điều 7: Phương thức và điều kiện thanh toán:

- Thanh toán bằng tiền mặt, séc hoặc chuyển khoản

- Về nguyên tắc Bên A chỉ thanh toán tiền mua tàu sau khi có hồ sơ đăng kiểm và tàu được bàn giao trong năm 2009. Tuy nhiên để phối hợp linh hoạt trong quá trình đóng tàu hai bên thống nhất điều kiện và thời gian thanh toán như sau:

Giai đoạn 1: Công ty TNHH Vận tải và Thương mại H đặt cọc tại Bên A số tiến: 3.623.286.000 ₫ (Ba tỷ, sáu trăm hai mươi ba triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng chẵn), số tiền này sẽ được Công ty cho thuê tài chính 1 chuyển cho Bên B ngay sau khi Hợp đồng mua bán này được ký kết.

Giai đoạn 2:

a/ Trường hợp Bên A bố trí được nguồn vốn để tạm ứng đầu tư:

Căn cứ vào Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành từng phần giữa Bên B với Công ty TNHH Vận tải và Thương mại H (Kèm theo các chứng từ, hồ sơ, giấy tờ có liên quan) giữa Bên B với các nhà thầu phụ và đề xuất thanh toán của Bên B, Bên A sẽ tạm ứng theo nguyên tắc:

Số tiến tạm ứng = Tiến độ cần thanh toán của các Hợp đồng cung ứng vật tư đã ký kết + (Giá trị khối lượng công việc hoàn thành x 80%) - Số tiền tạm ứng các lần trước đó.

Tổng số tiền tạm ứng giai đoạn 2 cho tàu tối đa là: 19.900.000.000 ₫ (Mười chín tỷ, chín trăm triệu đồng chẵn...)

Số tiền Bên B phải nhận nợ tại Bên A = (Số tiền Bên A tạm ứng thanh toán cho Bên B - Số tiền đặt cọc theo Hợp đồng cho thuê tài chính của Công ty TNHH Vận tải và Thương mại H) với lãi suất nhận nợ theo quy định tại Giấy nhận nợ (theo từng lần nhận nợ cụ thể) Khi có điều chỉnh lãi suất, hai bên không phải ký phụ lục hợp đồng mà Bên A có thông báo bằng văn bản cho Bên B để Bên B làm căn cứ trả lãi vào ngày 25 hàng tháng và được trả vào tài khoản của Công ty cho thuê tài chính I. Toàn bộ tiền lãi của các khoản tạm ứng đầu tư được tính vào giá thành tàu.

b/ Trường hợp Công ty cho thuê tài chính 1 không bố trí được nguồn vốn để tạm ứng đầu tư, Bên B tự thu xếp vốn để thực hiện đóng tàu theo tiến độ hợp đồng. Nếu Bên B vay vốn Ngân hàng để thực hiện đóng tàu theo tiến độ hợp đồng, Ngân hàng yêu cầu bảo lãnh thì Bên A ký bảo lãnh và thu phí theo thoả thuận. Giá trị bảo lãnh tối đa là 16.276.714.000đ (mười sáu tỷ, hai trăm bảy mươi sáu triệu, bảy trăm mười bốn nghìn đồng chẵn). Phí bảo lãnh do Bên B thanh toán cho Bên A và lãi vay trong quá trình đóng tàu do Bên B thanh toán cho Ngân hàng theo thoả thuận trong Hợp đồng vay vốn được tính vào giá thành tàu.

Khi Bên A bố trí được vốn sẽ thanh toán cho Bên B để trả nợ vay và Bên B nhận nợ tại Bên A như điểm a giai đoạn 2 nói trên.

Giai đoạn 3: Việc thanh toán sẽ được thực hiện trên nguyên tắc quyết toán tàu. Sau khi có biên bản quyết toán, nghiệm thu bàn giao tàu giữa ba bên, Bên B xuất hoá đơn GTGT cho tàu (theo Điều 2 Biên bản thoả thuận này) và tàu có đầy đủ Hồ sơ Đăng kiểm, đăng ký mang tên Công ty C thì Công ty C sẽ thanh toán cho Bên B số tiền còn lại sau khi giữ lại tiền bảo hành.

Giai đoạn 4: Số tiền bảo hành: 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng chẵn) Bên A sẽ thanh toán cho Bên B sau khi hết thời hạn bảo hành tàu (có văn bản đề nghị của Bên B và có xác nhận của Công ty TNHH Vận tải và Thương mại H).

ĐIỀU 8 : Trách nhiệm của mỗi bên: …

ĐIỀU 9 : Điều khoản thi hành: …

Để thực hiện Hợp đồng mua bán, cho đến nay, ALCI đã tạm ứng thanh toán cho Công ty N số tiền là 12.491.559.751 đồng,Trong đó:

Số tiền tạm ứng Đợt 1 (không tính lãi) là: 3.623.286.000 đồng;

Số tiền tạm ứng Đợt 2 bằng hình thức ALCI đã bảo lãnh cho Công ty N vay tại Ngân hàng L - Chi nhánh Th: 8.868.273.751 đồng, cụ thể:

Lần 1: Ngày 17-4-2009 giải ngân số tiền: 4.469.009.577 đồng

Lần 2: Ngày 03-6-2009 giải ngân số tiền: 1.677.030.751 đồng

Lần 3: Ngày 19-10-2009 giải ngân số tiền: 2.722.233.423 đồng

Do Công ty N không có khả năng trả nợ, vì vậy ALCI thực hiện Hợp đồng bảo lãnh. ALCI đã trả nợ thay cho Công ty N số tiền Ngân hàng Liên Việt đã giải ngân và ngày 07-5-2010 Công ty N đã ký giấy nhận nợ với ALCI số tiền: 8.868.273.751 đồng, lãi suất nhận nợ là 1,17%/tháng.

Tuy nhiên, từ khi ký hợp đồng mua bán tàu theo Hợp đồng số 24/2008 ngày 21-3-2008 giữa ALCI và Công ty N đến tháng 4-2010 thì Công ty N phải bàn giao tàu. Nhưng đến tháng 4-2010 Công ty N không bàn giao được tàu như trong quy định tại Điều 4 Hợp Đồng Mua Bán đã thỏa thuận giữa các bên.

Nên ALCI đã trả toàn bộ số nợ gốc là 8.868.273.751 đồng và số tiền lãi vay tại Ngân hàng L - Chi nhánh Th theo Hợp đồng bảo lãnh. Cụ thể, vào các ngày: Ngày 30-12-2010 trả 5.906.739.306 đồng tiền gốc; ngày 17-3-2011 trả 150.000.000 đồng tiền gốc; ngày 15-4-2011 trả 2.211.534.445 đồng tiền gốc và tiền lãi là 279.956.360 đồng; ngày 15-4-2011 trả 600.000.000 đồng tiền gốc. Vì vậy, nay yêu cầu Công ty N phải trả số tiền nợ gốc 8.868.273.751 đồng và lãi suất theo nợ gốc cho ALCI.

* Nay ALCI yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố N giải quyết những yêu cầu sau:

1. Tuyên đình chỉ Hợp đồng mua bán số 24A/2008-HĐMB ngày 21-3-2008 giữa ALCI với Công ty N. Từ ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, giữa ALCI với Công ty N, vì lý do Công ty N đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trong hợp đồng (không hoàn thành công việc mặc dù đã quá thời hạn nhiều năm).

2. Tuyên buộc Công ty N phải thanh toán cho ALCI khoản tiền bao gồm:

- Toàn bộ tiền tạm ứng thanh toán giá trị Hợp đồng mua bán là: 12.491.559.751 đồng, bao gồm:

+ Số tiền 3.623.286.000 đồng là tiền đặt cọc của Công ty H;

+ Số tiền 8.868.273.751 đồng (là khoản tiền Công ty N vay Ngân hàng Liên Việt trên cơ sở bảo lãnh của ALCI).

- Tiền lãi phát sinh từ số tiền ALCI đã tạm ứng thanh toán cho Công ty N từ nguồn đi vay của ALCI (vay Ngân hàng Liên Việt) tạm tính từ ngày 07-5-2010 đến ngày 23-7-2024 là: 16.553.138.448 đồng.

- Công ty N phải chịu phạt vi phạm theo Điều 4 Hợp đồng mua bán do chậm bàn giao tàu là 5.000.000đ/ngày (tương ứng 23.590.000.000 đồng) tính từ ngày 01-5-2010 đến ngày 31-3-2023. Tuy vậy, Điều 301 của Luật Thương mại năm 2005 quy định mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% trên tổng giá trị Hợp Đồng Mua Bán là 24.874.510.897 đồng (Hai mươi bốn tỷ, tám trăm bảy mươi bốn triệu, năm trăm mười nghìn, tám trăm chín mươi bảy đồng) làm tròn số: 24.000.000.000 đồng (Hai mươi tư tỷ đồng) có thể được tính là 24.000.000.000 đồng x 8% = 1.920.000.000 đồng.

- Khoản chi để thực hiện việc kiểm toán giá trị khối lượng hoàn thành: Công ty N có nghĩa vụ hoàn trả phí dịch vụ kiểm toán là 19.997.783 đồng do ALCI đã thanh toán theo Hợp đồng kiểm toán số 87/HĐ-KT/ĐT-VAE ngày 13-7-2016 với Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam ("VAE"). (Đối với khoản chi để thực hiện việc kiểm toán giá trị khối lượng hoàn thành thì hai bên không có văn bản thống nhất, thỏa thuận mà ALCI chỉ có thông báo theo công văn ngày 11-8-2016 đề nghị bên Công ty N phối hợp, cung cấp thông tin để ALCI thực hiện, sau đó Công ty N vẫn cung cấp, phối hợp sau đó có ALCI có Thông báo về kết quả kiểm toán thì Công ty N không có ý kiến gì. Việc thực hiện kiểm toán để xác định khối lượng hoàn thành để xem xét hướng xử lý, do bên Công ty N vi phạm không đóng được tàu nên phải chịu chi phí thực hiện kiểm toán, còn về thống nhất chi trả chi phí kiểm toán thì hai bên không có văn bản thống nhất gì.)

3. Tuyên nếu Công ty N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, thì ALCI có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty N để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

* Nguyên đơn là Công ty C – Ngân hàng N rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bị đơn là Công ty N phải chi trả và bồi thường các khoản sau:

- Buộc Công ty N phải bồi thường thiệt hại cho ALCI các tổn thất thực tế và khoản lợi trực tiếp mà ALCI đáng lẽ được hưởng nếu được nhận bàn giao tàu đúng hạn với tổng giá trị 12.771.000.000 đồng (0.05% x 10 năm x giá trị tàu). Đây là số tiền lãi phát sinh từ dư nợ cho thuê tài chính mà Công ty N sẽ phải trả cho ALCI (nếu như Công ty N bàn giao tàu theo đúng cam kết) tạm tính từ ngày 01-5-2010 đến ngày 31-03-2023.

- Buộc Công ty N trả khoản thuê dịch vụ tư vấn pháp lý dự tính 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng).

II. Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Công ty C, gọi tắt là Công ty N) là ông Trần Thế H trình bày:

Ngày 04-01-2008, Công ty H ký với Công ty N ký Hợp đồng kinh tế số 04/08-HĐKT về việc đóng mới tàu hàng trọng tải 3.242T và Hợp đồng đã được triển khai: đã ký hợp đồng với Đăng kiểm, Công ty H đã mua và cấp vật tư cho Công ty N triển khai thực hiện. Tuy nhiên, do Công ty H không thu xếp được tài chính nên ngày 25-02-2008, Công ty H tiếp tục ký với Công ty N Biên bản thỏa thuận số 01/08-BBTT, theo đó, bên A là Công ty H sẽ mua tàu của bên B là Công ty N qua hình thức thuê tài chính tại Công ty cho thuê tàu chính I – Ngân hàng N. Biên bản nêu trên là cơ sở để Công ty N ký hợp đồng mua bán số 24A/2008-HĐMB ngày 21-3-2008 và Phụ lục hợp đồng số 01-24A/PL-HĐMB ngày 15-12-2008 với ALCI. Về nội dung của hợp đồng mua bán và phụ lục hợp đồng mua bán như bên ALCI đã trình bày.

Tuy nhiên, sau đó ALCI cũng không thu xếp được nguồn tài chính để tạm ứng giai đoạn 2 Công ty N. Do đó, ALCI phải thực hiện bảo lãnh cho Công ty N để vay Ngân hàng Liên Việt nhằm tiếp tục thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên, căn cứ Điều 16, Nghị định số 16/2001-NĐ-CP ngày 02-5-2001 và bổ sung tại khoản 4, 5 Điều 1 Nghị định 65/2005-NĐ-CP ngày 19-5-2005, thì công ty cho thuê tài chính không được phép thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh, nhưng ALCI vẫn thực hiện bảo lãnh và thu phí bảo lãnh. Vì vậy, Hợp đồng mua bán số 24A/2008-HĐMB ngày 21-3-2008 bị vô hiệu từng phần, dẫn tới việc các nội dung liên quan đến việc này cũng bị vô hiệu. Do đó, Công ty N không có trách nhiệm thanh toán các khoản lãi và khoản chi phí phát sinh khác mà phía ALCI trình bày trong đơn khởi kiện.

Trên cơ sở thực hiện Hợp đồng mua bán số 24A/2008-HĐMB ngày 21-3-2008, Công ty N đã nhận được từ ALCI số tiền là 12.491.559.751 đồng, trong đó:

- Số tiền 3.623.286.000 đồng là tiền đặt cọc của Công ty H (không phải từ nguồn tiền của ALCI);

- Số tiền 8.868.273.751 đồng (là khoản tiền Công ty N vay Ngân hàng Liên Việt trên cơ sở bảo lãnh của ALCI).

Sau khi tiến hành ký hợp đồng, Công ty N đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên B theo Hợp đồng số 24A/2008-HĐMB, thi công đóng sản phẩm tàu hàng trọng tải 3.242T từ tháng 01-2008 đến tháng 4-2010. Đến tháng 4-2010, Công ty N phải dừng thi công do không còn nguồn vốn. Theo Hợp đồng số 24A/2008-HĐMB đã ký, ALCI phải tạm ứng tối đa tại giai đoạn 2 cho Công ty N là 19.900.000.000 đồng, nhưng đến thời điểm tháng 09-2010, Công ty N mới được tạm ứng số tiền là 12.491.559.751

đồng, mặc dù Công ty N đã thực hiện được hơn 60% giá trị, đạt 16.634.289.395 đồng (theo Biên bản làm việc ngày 30 tháng 4 năm 2011 giữa Công ty N và Công ty H)

Sau đó, Công ty N đã rất nhiều lần gửi công văn đến ALCI đề nghị giải quyết tồn tại và tạm ứng theo Hợp đồng số 24A/2008-HĐMB để Công ty N có nguồn vốn tiếp tục triển khai dự án đóng mới tàu Hưng Đạt 3.242T (theo các công văn của Nam Hà và biên bản làm việc giữa Nam Hà và ALCI).

Với các căn cứ trên Công ty N khẳng định không vi phạm bất cứ nội dung nào trong Hợp đồng số 24A/2008-HĐMB ngày 21-3-2008. Việc bàn giao tàu không đúng tiến độ không có lỗi của Công ty N mà do phía ALCI không cấp vốn theo đúng các cam kết đã ký tại Hợp đồng số 24A/2008-HĐMB ngày 21-3-2008.

Sau khi tạm dừng thi công sản phẩm vào tháng 4-2010, Công ty N đã phải bố trí bảo vệ trông coi sản phẩm, tránh hư hỏng, mất mát, số tiền Công ty N đã chi là 827.602.312 đồng (lương và các khoản trích theo lương). Số tiền này phải được tính vào giá thành sản phẩm tàu Hưng Đạt 3.242T. Tuy nhiên, do phía ALCI vi phạm Hợp đồng số 24A/2008-HĐMB ngày 21-3-2008, dẫn đến việc Công ty N không có nguồn tài chính để hoàn thiện tàu. Vì vậy, đây là số tiền thiệt hại mà Công ty N phải gánh chịu. Do đó, đề nghị xem xét, yêu cầu phía ALCI phải hoàn trả lại cho Công ty N số tiền này.

Về khoản tiền lãi phạt và các chi phí phát sinh khác theo Đơn khởi kiện của ALCI: Công ty N khẳng định ALCI không có căn cứ yêu cầu lãi phạt, lãi chậm trả, bồi thường thiệt hại và các chi phí phát sinh khác vì Công ty N không hề vi phạm nội dung Hợp đồng số 24A/2008-HĐMB ngày 21-3-2008. Thêm nữa, đề nghị xem xét đến nội dung thời hiệu khởi kiện về lãi suất của ALCI đã hết.

Nay phía Công ty N có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ALCI như sau:

- Về việc yêu cầu tuyên đình chỉ Hợp đồng mua bán 24A/2008-HĐMB ngày 21-3-2008: phía bị đơn nhất trí theo yêu cầu của nguyên đơn đình chỉ Hợp đồng mua bán 24A/2008-HĐMB ngày 21-3-2008.

- Về số tiền gốc là 12.491.559.751 đồng, trong đó:

+ Số tiền 3.623.286.000 đồng là tiền đặt cọc của Công ty H (không phải từ nguồn tiền của ALCI) (không tính lãi). Công ty N nhất trí trả số tiền đặt cọc là 3.623.286.000 đồng cho ALCI.

+ Số tiền 8.868.273.751 đồng (là khoản tiền Công ty N vay Ngân hàng Liên Việt trên cơ sở bảo lãnh của ALCI) (có tính lãi từ ngày 07-5-2010 đến ngày 23-7-2024 là 16.553.138.448 đồng).

Về tiền lãi Công ty N đã trả lại cho Ngân hàng Liên Việt đến ngày 07-5-2010, từ sau ngày 07-5-2010 thì bên ALCI đã trả số tiền gốc là 8.868.273.751 đồng cho Ngân hàng Liên Việt.

Đề nghị phía nguyên đơn là ALCI không tính lãi trên số tiền là 8.868.273.751 đồng kể từ ngày 07-5-2010 cho đến nay, vì lý do là Công ty N đã nhiều lần có văn bản đề nghị không tính lãi do không nguồn vốn để đóng tàu và ALCI cũng có văn bản chưa bố trí được nguồn vốn cho Công ty N đóng tàu, cụ thể là trong Biên bản làm việc giữa hai bên ngày 22-12-2011 nội dung là Công ty N không có nguồn vốn để thi công đề nghị ALCI không tính lãi trong khi tạm dừng thi công, và giữa hai bên không có xác nhận về tiền lãi từng thời điểm. Cho nên Công ty N chỉ chấp nhận trả số tiền gốc là 8.868.273.751 đồng.

Đối với yêu cầu lãi phát sinh trong giai đoạn tạm dừng thi công đóng tàu mà bên Công ty N đã có ý kiến theo Biên bản làm việc ngày 22-12-2011, nhưng đến nay ALCI không có văn bản nào trả lời về lãi phát sinh trong giai đoạn tạm dừng thi công đóng tàu.

- Đối với việc yêu cầu Công ty N phải chịu phạt vi phạm theo Điều 4 Hợp đồng mua bán do chậm bàn giao tàu là 5.000.000đ/ngày (tương ứng 23.590.000.000 đồng) tính từ ngày 01-5-2010 đến ngày 31-3-2023. Tuy vậy, Điều 301 Luật Thương mại năm 2005 quy định mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% trên tổng giá trị Hợp Đồng Mua Bán là 24.874.510.897 đồng (Hai mươi bốn tỷ, tám trăm bảy mươi bốn triệu, năm trăm mười nghìn, tám trăm chín mươi bảy đồng) làm tròn số: 24.000.000.000 đồng (Hai mươi tư tỷ đồng) có thể được tính là 24.000.000.000 đồng x 8% = 1.920.000.000 đồng.

Công ty N có ý kiến như sau: Phía bị đơn không đồng ý trả số tiền phạt vi phạm chậm bàn giao vì không thể tính phạt vi phạm Hợp đồng vì Công ty N chưa bàn giao tàu nên không thể tính tiền phạt chậm trả bàn giao tàu, hợp đồng vẫn đang còn giá trị.

Việc đóng tàu đã thực hiện được 60% nhưng từ tháng 4-2010 cho đến nay do Công ty N không có nguồn vốn nên chúng tôi dừng đóng tàu, và không thực hiện việc đóng tàu nữa.

- Về khoản chi để thực hiện việc kiểm toán giá trị khối lượng hoàn thành: Công ty N có nghĩa vụ hoàn trả phí dịch vụ kiểm toán là 19.997.783 đồng do ALCI đã thanh toán theo Hợp đồng kiểm toán số 87/HĐ-KT/ĐT-VAE ngày 13-07-2016 với Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam (“VAE”):

Bên phía bị đơn có ý kiến: không đồng ý chi trả số tiền là 19.997.783 đồng vì trong Hợp đồng giữa hai bên không có mục thuê kiểm toán, việc thuê kiểm toán là do ALCI thuê với mục đích riêng và không có văn bản nào thống nhất việc thuê và chi trả chi phí kiểm toán.

- Về việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Công ty N phải chi trả và bồi thường khoản bồi thường thiệt hại và khoản chi phí dịch vụ pháp lý: phía bị đơn nhất trí với việc rút yêu cầu khởi kiện trên của phía nguyên đơn.

- Về việc yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tuyên nếu Công ty N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, thì ALCI có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty N để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Công ty N chỉ đồng ý phát mại tài sản là con tàu đang đóng dở theo Hợp đồng mua bán 24A/2008-HĐMB ngày 21-3-2008.

III. Tại bản tự khai, trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải và Thương mại H) trình bày:

Ngày 25-02-2008 Công ty H và Công ty N ký biên bản thỏa thuận số 01/2008 về việc Công ty H mua 01 (một) tàu biển hạn chế III trọng tải 3,242 tấn của Công ty N thông qua hình thức cho thuê tài chính tại ALCI.

Ngày 21-3-2008, Công ty H ký hợp đồng cho thuê tài chính với ALCI số 24/2008/ALCI. Theo đó ALCI sẽ cho Công ty H thuê tài chính 01 tàu biển vỏ thép - vận chuyển hàng khô, cấp III hạn chế, trọng tải 3.242 tấn, kèm theo hợp đồng cho thuê tài chính có các phụ lục 04A/ALCI, 4D/ALCI.

Theo hợp đồng cho thuê tài chính 24/2008/ALCI, ngày 21-3-2008 ALCI đã ký hợp đồng mua bán số 24A/2008/HĐMB ngày 21-3-2008 và phụ lục HĐMB số 01-24A/PL-HĐMB ngày 15/12/2008 với Nhà máy đóng tàu Nđể thực hiện HĐMB một tàu biển vỏ thép, trọng tải toàn phần 3.242 tấn của Công ty N Thời gian dự kiến bàn giao tàu vào tháng 4 - 2010 nhưng đến nay Công ty N chưa bàn giao tàu cho Công ty H.

Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 24/2008/ALCI ngày 21-3-2008 thì ALCI cho Công ty H thuê tài chính để đóng 02 (Hai) tàu vận tải biển vỏ thép chở hàng khô (được mô tả chi tiết phụ lục 04/A1/ALCI và 04/A2/ALCI) thì công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy An Đồng đóng 01 tàu, đối với con tàu này đã thanh lý hợp đồng nên Công ty H không có ý kiến gì. Còn đối với Nhà máy đóng tàu Nđóng con tàu biển vỏ thép, trọng tải toàn phần 3.242 tấn thì Công ty N chưa hoàn thiện và bàn giao cho

Công ty H. Đề nghị các bên ngồi lại với nhau bàn phương án khắc phục hậu quả tránh gây thiệt hại cho các bên. Để đảm bảo thực hiện hợp đồng, Công ty H đã đặt cọc ký cược cụ thể số tiền là 02 (hai) tàu 7.246.572.000 đồng (Bảy tỷ hai trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm bảy hai nghìn đồng chẵn) và ký cược số tiền cho 02 tàu 300.000 x 2 tàu = 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và số tiền trên đã chuyển cho Công ty tài chính ALCI.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn thì Công ty H không có ý kiến gì. Đối với việc đóng tàu của Công ty N không bàn giao đúng thời hạn, vì vậy Công ty H không tiếp tục mua tàu của Công ty N nữa.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/KDTM – ST ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố N quyết định:

Căn cứ các Điều 302, Điều 305, Điều 422, Điều 428, Điều 432 và Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 418, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 301 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Án lệ số 09/2016/AL Về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại … của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty C – Ngân hàng N:

- Tuyên chấm dứt Hợp đồng mua bán số 24A/2008-HĐMB ngày 21-3-2008 và Phụ lục hợp đồng mua bán số: 01-24A/PL-HĐMB ngày 15-12-2008 giữa Công ty C – Ngân hàng N với Công ty C.

- Tuyên buộc Công ty C phải thanh toán cho Công ty C – Ngân hàng N khoản tiền bao gồm:

+ Toàn bộ tiền tạm ứng thanh toán giá trị Hợp đồng mua bán là: 12.491.559.751 đồng (mười hai tỷ bốn trăm chín mươi một triệu năm trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi một đồng), bao gồm: Số tiền 3.623.286.000 đồng (là khoản tiền đặt cọc của Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải và Thương mại H); Số tiền

8.868.273.751 đồng (là khoản tiền Công ty C vay Ngân hàng thương mại cổ phần B trên cơ sở bảo lãnh của ALCI).

+ Tiền lãi phát sinh từ số tiền 8.868.273.751 đồng là khoản tiền Công ty C vay Ngân hàng thương mại cổ phần B trên cơ sở bảo lãnh của ALCI tính từ ngày 07-5-2010 đến ngày 23-7-2024 là: 16.553.138.448 đồng (mười sáu tỷ năm trăm năm mươi ba triệu một trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm bốn mươi tám đồng).

- Buộc Công ty C phải chịu phạt vi phạm hợp đồng cho Công ty C – Ngân hàng N số tiền là 1.920.000.000 đồng (một tỷ, chín trăm hai mươi triệu đồng).

Trường hợp Công ty C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, thì ALCI có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty C để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty C – Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền 3.623.286.000 đồng (là tiền đặt cọc của Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải và Thương mại H), khoản tiền 1.920.000.000 đồng (là tiền phạt vi phạm hợp đồng, hàng tháng Công ty C) và khoản tiền lãi phát sinh 16.553.138.448 đồng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23-7-2024) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng Công ty C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc (8.868.273.751 đồng là khoản tiền Công ty C vay Ngân hàng thương mại cổ phần B trên cơ sở bảo lãnh của ALCI) chưa thanh toán, theo mức lãi suất nhận nợ: 1,17%/tháng, có điều chỉnh 03 tháng/1 lần mà các bên thỏa thuận trong Giấy nhận nợ ngày 07-5-2010 và các Văn bản điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty C – Ngân hàng N về việc buộc Công ty C phải trả khoản chi để thực hiện việc kiểm toán giá trị khối lượng hoàn thành (phí dịch vụ kiểm toán) là 19.997.783 đồng.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty C – Ngân hàng N về yêu cầu Công ty C bồi thường thiệt hại cho Công ty C – Ngân hàng N các tổn thất thực tế và khoản lợi trực tiếp mà ALCI đáng lẽ được hưởng nếu được nhận bàn giao tàu đúng hạn với tổng giá trị 12.771.000.000 đồng và khoản tiền thuê dịch vụ tư vấn pháp lý dự tính 180.000.000 đồng.

4. Án phí:

- Công ty C – Ngân hàng N phải nộp 3.000.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 75.300.000 đồng (bảy mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai số 0001851 ngày 15-12-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định. Trả lại cho Công ty C số tiền là 72.300.000 đồng.

- Công ty C phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 138.964.000 đồng (một trăm ba mươi tám triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

* Tại đơn kháng cáo ngày 31/7/2024 Công ty C kháng cáo 1 phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi và tiền phạt chậm bàn giao tàu của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên lời trình bày, ý kiến, quan điểm như đã nêu trên. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

- Bị đơn không chấp nhận trả lãi vì nguyên đơn không có thông báo lãi, giấy xác nhận dư nợ không thể hiện khoản tiền lãi; Bị đơn không vi phạm hợp đồng nên không chấp nhận khoản tiền phạt chậm bàn giao tàu, bị đơn không hoàn thành việc bàn giao tàu là do nguyên đơn không cung cấp đủ nguồn vốn cho bị đơn.

- Nguyên đơn không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn là hợp lệ và làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn :

[2.1] Về Hợp đồng mua bán số 24A/2008-HĐMB ngày 21-3-2008 và Phụ lục hợp đồng mua bán số: 01-24A/PL-HĐMB ngày 15-12-2008 giữa Công ty C – Ngân hàng N với Công ty C.

Xét thấy: Việc ký hợp đồng, phụ lục hợp đồng và các văn bản khác đều do người đại diện của ALCI và Công ty N ký kết, thể hiện ý chí tự nguyện của các bên trên cơ sở nhu cầu kinh doanh của doanh nghiệp; nội dung hợp đồng không vi phạm

điều cấm, không trái đạo đức xã hội; hình thức hợp đồng đảm bảo các điều kiện theo quy định pháp luật; các bên đều thừa nhận đã tham gia ký kết hợp đồng, khi ký kết các bên có năng lực dân sự và hoàn toàn tự nguyện. Do đó, Hợp đồng số 24A/2008-HĐMB ngày 21-3-2008 và Phụ lục hợp đồng mua bán số: 01-24A/PL-HĐMB ngày 15-12-2008 được ký kết giữa ALCI với Công ty N đều hợp pháp, các bên đã tham gia ký kết đều phải có nghĩa vụ tôn trọng và thực hiện.

[2.2] Về quá trình thực hiện hợp đồng:

Sau khi ký kết hợp đồng mua bán ngày 21-3-2008, ALCI đã thực hiện chuyển cho Công ty N 12.491.559.751 đồng tiền tạm ứng để thực hiện hợp đồng (giai đoạn 1: Số tiền 3.623.286.000 đồng là tiền đặt cọc của Công ty H; giai đoạn 2: Số tiền 8.868.273.751 đồng). Công ty N đã thi công hoàn thiện phần vỏ tàu (hoàn thành dở dang được 70%) và đã tạm dừng thi công tàu từ tháng 4-2010 do không có nguồn vốn cho đến nay. Sau đó Công ty N đã nhiều lần có công văn yêu cầu Công ty C bổ sung vốn để tiếp tục thực hiện việc đóng tàu nhưng không được Công ty C chấp thuận.

Căn cứ vào điểm b Điều 7 của Hợp đồng mua bán và Phụ lục hợp đồng mua bán quy định: "Trường hợp Công ty cho thuê tài chính 1 không bố trí được nguồn vốn để tạm ứng đầu tư, Bên B tự thu xếp vốn để thực hiện đóng tàu theo tiến độ hợp đồng. Nếu Bên B vay vốn Ngân hàng để thực hiện đóng tàu theo tiến độ hợp đồng, Ngân hàng yêu cầu bảo lãnh thì Bên A ký bảo lãnh và thu phí theo thoả thuận". Như vậy, khi Công ty N có công văn yêu cầu Công ty C bổ sung vốn để tiếp tục thực hiện việc đóng tàu nhưng không được Công ty C chấp thuận là có căn cứ. Kể từ tháng 4-2010 Công ty N đã dừng thi công tàu, không bàn giao tàu đúng thời hạn vào tháng 4-2010 nên đã vi phạm quy định tại Điều 4 của Hợp đồng mua bán số: 24A/2008-HĐMB ngày 21-3-2008 và Phụ lục hợp đồng mua bán số: 01-24A/PL-HĐMB ngày 15-12-2008 về thời gian và địa điểm bàn giao tàu. Vì vậy yêu cầu của ALCI về việc chấm dứt Hợp đồng mua bán số 24A/HĐMB-2008 ngày 21-3-2008 giữa ALCI với Công ty N là có căn cứ.

[2.3] Về việc ALCI yêu cầu buộc Công ty N phải thanh toán cho ALCI khoản tiền bao gồm: Toàn bộ tiền tạm ứng thanh toán giá trị Hợp đồng mua bán là: 12.491.559.751 đồng và Tiền lãi phát sinh từ số tiền ALCI đã tạm ứng thanh toán cho Công ty N từ nguồn đi vay của ALCI (vay Ngân hàng Liên Việt) tính từ ngày 07-5-2010 đến ngày 23-7-2024 là: 16.553.138.448 đồng.

Do Công ty N không trả được nợ như cam kết, nên ALCI đã trả toàn bộ số nợ gốc là 8.868.273.751 đồng và số tiền lãi vay tại Ngân hàng L - Chi nhánh Th theo Hợp đồng bảo lãnh. Cụ thể, vào các ngày: Ngày 30-12-2010 trả 5.906.739.306 đồng tiền gốc; ngày 17-3-2011 trả 150.000.000 đồng tiền gốc; ngày 15-4-2011 trả

2.211.534.445 đồng tiền gốc và tiền lãi là 279.956.360 đồng; ngày 15-4-2011 trả 600.000.000 đồng tiền gốc.

Ngày 07-5-2010, Công ty N xác nhận nợ với ALCI số tiền đã được ALCI trả thay cho bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng Liên Việt – Chi nhánh Thăng Long như sau: số tiền nhận nợ: 8.868.273.751 đồng; lãi suất nhận nợ: 1,17%/tháng, có điều chỉnh 03 tháng/1 lần; ngày trả gốc cuối cùng: ngày bàn giao tàu Hưng Đạt; hạn trả nợ lãi vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 25-5-2010.

Như vậy, từ ngày 07-5-2010 đến nay, Công ty N không thanh toán tiền lãi nhận nợ theo thỏa thuận. Từ tháng 4-2010 đến nay, Công ty N đã ngừng thi công tàu, không bàn giao tàu vào tháng 4-2010 theo hợp đồng đã ký, gây thiệt hại cho hoạt động kinh doanh của ALCI.

Căn cứ vào Điều 7 của Hợp đồng số 24A mà các bên đã ký kết, Điều 7 Biên bản thỏa thuận số 01/2008 – BBTT ngày 25-02-2008 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải và Thương mại H và Công ty N có quy định: "Số tiền Bên B phải nhận nợ tại Bên A = (Số tiền Bên A tạm ứng thanh toán cho Bên B – Số tiền đặt cọc theo Hợp đồng cho thuê tài chính của Công ty TNHH Vận tải và Thương mại H) với lãi suất nhận nợ là lãi suất cho thuê trung hạn của Công ty C quy định tại thời điểm tạm ứng và được điều chỉnh 3 tháng một lần. Khi có điều chỉnh lãi suất, hai bên không phải ký phụ lục hợp đồng mà Bên A có thông báo bằng văn bản cho bên B để Bên B làm căn cứ trả lãi vào ngày 25 hàng tháng và được trả vào tài khoản của Công ty cho thuê tài chính I. Toàn bộ tiền lãi của các khoản tạm ứng đầu tư được tính vào giá thành tàu."

Ngoài ra, căn cứ vào Giấy xác nhận nợ ngày 07-5-2010 giữa ALCI và Công ty N, các thông báo thay đổi lãi suất tạm ứng đầu tư cho thuê tài chính, xác nhận dư nợ đầu tư thuê tài chính ngày 20-3-2021 và ngày 09-11-2022. Hội đồng xét xử xác định ALCI và Công ty N có thỏa thuận, xác nhận với nhau về số tiền đặt cọc, số tiền Công ty N vay trên cơ sở bảo lãnh của ALCI, số tiền lãi trên khoản vay, mức lãi suất và xác nhận dư nợ đầu tư thuê tài chính.

Vì vậy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu nêu trên của ALCI, buộc Công ty N phải trả cho ALCI số tiền tạm ứng Hợp đồng số 24A là 12.491.559.751 đồng *(trong đó bao gồm: 3.623.286.000 đồng là tiền đặt cọc của Công ty H và 8.868.273.751 đồng là khoản tiền Công ty N vay Ngân hàng thương mại cổ phần B trên cơ sở bảo lãnh của ALCI)* và tiền lãi phát sinh của số tiền 8.868.273.751 đồng tính từ ngày 07-5-2010 đến ngày 23-7-2024 là 16.553.138.448 đồng là có căn cứ.

[2.4] Về việc ALCI yêu cầu Công ty N phải chịu phạt vi phạm 8% trên tổng giá trị Hợp đồng mua bán là 24.874.510.897 đồng *(hai mươi bốn tỷ, tám trăm bảy mươi bốn triệu, năm trăm mười nghìn, tám trăm chín mươi bảy đồng)* làm tròn số: 24.000.000.000 đồng *(Hai mươi bốn tỷ đồng)* có thể được tính là 24.000.000.000 đồng x 8% = 1.920.000.000 đồng (Một tỷ, chín trăm hai mươi triệu đồng).

Tại Điều 4 Hợp đồng số 24A quy định: "Nếu trong trường hợp thời gian thực hiện kéo dài mà không có lý do chính đáng (thời tiết, mất điện, thiên tai, hỏa hoạn,…) không được Bên A chấp thuận bằng văn bản thì bên B phải chịu phạt chậm bàn giao tàu là 5.000.000 đồng/ngày. Số tiền này sẽ khấu trừ trong Hợp đồng mua bán. Việc xử lý số tiền phạt nói trên theo thỏa thuận giữa bên A với Công ty TNHH Vận tải và Thương mại H (tùy theo mức độ thiệt hại của mỗi bên)". Như vậy, theo thỏa thuận giữa ALCI và Công ty N về mức chịu phạt vi phạm tại Hợp đồng số 24A thì Công ty N phải chịu phạt vi phạm theo Điều 4 của Hợp đồng mua bán do chậm bản giao tàu vào tháng 4-2010 là 5.000.000đ/ngày. Do Hợp đồng ghi thời hạn bàn giao tàu vào tháng 4-2010, nên Hội đồng xét xử sẽ tính thời điểm vi phạm thời điểm bàn giao tàu tính từ ngày 01-5-2010.

Tuy nhiên, Điều 301 của Luật Thương mại năm 2005 quy định mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Do tổng giá trị Hợp đồng số 24A/2008-HĐMB ngày 21-3-2008 là 24.000.000.000 đồng (đã làm tròn) và Công ty N vi phạm trên toàn bộ giá trị hợp đồng nên mức phạt tối đa là 24.000.000.000 đồng x 8% = 1.920.000.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của ALCI về việc buộc Công ty N phải chịu phạt vi phạm là 1.920.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.5] Từ những phân tích nhận định nêu trên, xét thấy những quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp và có căn cứ pháp luật; tại cấp phúc thẩm người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới và không đưa ra được lý lẽ thuyết phục để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty C, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2024/KDTM – ST ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố N.

2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty C phải nộp 2.000.000đ (Hai triệu đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 2.000.000đ (Hai triệu đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002237 ngày 02/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Công ty C đã nộp đủ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng